

Số: 65/2021/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non,
giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh
từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính
phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống
giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá
dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 8379/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 70/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2021
của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức học phí từ năm học 2021 - 2022 đến năm học
2025 - 2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường
xuyên và cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông của tỉnh
thuộc loại hình công lập và chưa tự đảm bảo chi thường xuyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên và người học tại cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục của tỉnh Quảng Ninh;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, các cơ sở giáo dục của tỉnh Quảng Ninh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định mức học phí

1. Mức học phí năm học 2021 - 2022

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	125		60	125
Nông thôn	50		30	50
Dân tộc thiểu số và miền núi	20		15	20

2. Mức học phí từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	300	300	300	300
Nông thôn	100	100	100	200
Dân tộc thiểu số và miền núi	50	50	50	100

Điều 3. Quy định áp dụng mức học phí

1. Vùng áp dụng mức học phí là địa bàn cấp xã nơi cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đặt địa điểm, quy định vùng trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Vùng thành thị: các phường;

b) Vùng nông thôn: các xã, thị trấn không thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi quy định tại điểm c khoản này;

c) Vùng dân tộc thiểu số và miền núi: các xã, thị trấn trong danh sách các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

2. Cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông áp dụng mức học phí bằng với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên, cùng cấp học trên

cùng địa bàn cấp xã.

3. Trường hợp học trực tuyến (học online), cơ sở giáo dục áp dụng mức học phí bằng 80% mức học phí quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

4. Học sinh tiểu học công lập không phải đóng học phí; mức học phí đối với giáo dục tiểu học quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này dùng làm căn cứ để xem xét ban hành chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo quy định cho học sinh tiểu học tư thục.

5. Mức thu học phí đối với phần tự chủ của các cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định hiện hành nhưng phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các mục tiêu giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Chỉ đạo xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương chậm nhất trước ngày 30 tháng 6 năm 2022; chịu trách nhiệm quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo đúng quy định hiện hành.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021. /

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (báo cáo);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Các bộ: Tư pháp, Giáo dục-Đào tạo;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, VX1.



Nguyễn Xuân Ký